TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 8 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Thanh Trí
2. Bà Nguyễn Hoa Lài

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Ông Lê Thanh Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100 ngày 18/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Dương Thị Kim N, sinh năm 1979 (xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp L, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
Bị đơn: Lê Hồng V, sinh năm 1971 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp L, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị Kim N trình bày: Chị và anh Lê Hồng V quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cần Thơ (nay là Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang) vào năm 2000. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong công việc và chăm sóc con chung. Từ đó không tìm được tiếng nói chung khiến hôn nhân đã rơi vào tình trạng mâu

thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy không thể hàn gắn gia đình nên chị làm đơn yêu cầu ly hôn với anh Lê Hồng V.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung tên Lê Hồng V1 (nam) sinh ngày 25/7/2000. Hiện cháu V1 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Lê Hồng V trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 31/7/2023: Về quan hệ hôn nhân anh thống nhất với lời trình bày của chị N. Quá trình chung sống cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, nay chị N yêu cầu ly hôn với anh nhưng anh không đồng ý vì vẫn còn thương vợ con.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung tên Lê Hồng V1 (nam) sinh ngày 25/7/2000. Hiện cháu V1 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N. Đối với anh V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh V.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kim N được ly hôn với anh Lê Hồng V; Về con chung: Hiện con chung tên Lê Hồng V1 (nam) sinh ngày 25/7/2000 đã trưởng thành nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Dương Thị Kim N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Dương Thị Kim N và anh Lê Hồng V sau một thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân T, huyện C, tỉnh Cần Thơ (nay là Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang) vào ngày 07/8/2000. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hồng V; Anh Lê Hồng V có địa chỉ cư trú tại ấp L, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị Kim N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt chị N. Bị đơn anh Lê Hồng V dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh V.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị Kim N và anh Lê Hồng V được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện C, tỉnh Cần Thơ (nay là Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang) vào ngày 07/8/2000 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh, chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 không thể giải quyết được, nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống và giáo dục con chung. Chị N cho rằng cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nữa. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh V kiên quyết không chịu ly hôn do ông còn thương vợ con nên hòa giải không thành, Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với anh V, cho thấy hôn nhân của chị N và anh V đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh V.

[3.2] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy chị Dương Thị Kim N và anh Lê Hồng V có 01 con chung tên Lê Hồng V1 (nam) sinh ngày 25/7/2000. Hiện cháu V1 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Dương Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Dương Thị Kim N được ly hôn với ông Lê Hồng V.

2. Về con chung: Hiện cháu Lê Hồng V1 (nam) sinh ngày 25 tháng 7 năm 2000 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết .

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Dương Thị Kim N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Dương Thị Kim N đã nộp theo biên lai số 0002139 ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị N đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Thạnh Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua